

Bản án số: 10/2022/HS-ST
Ngày 29 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh ngày 01/01/1988 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L và bà Nguyễn Tuyết N; bị cáo chưa có vợ; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam ngày 24/12/2021, ngày 27/01/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Tô Thị Diễm M, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Ấp Chợ Đôn, xã Đ, huyện D, tỉnh T. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Phan H, sinh ngày 19/9/1990.

Nơi cư trú: Số 310/4/2 đường Mã Lò, phường B, quận B, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 22/12/2021 Trần Ngọc T đi từ phòng số 304 xuống phòng làm việc của chị Tô Thị Diễm M, khi vào đến phòng làm việc, T tìm kiếm chìa khoá trên bàn làm việc và dùng tay kéo ngăn tủ ra, thấy có bao thư màu trắng, trên bao thư có dòng chữ “Công ty TNHH thương mại sản xuất THẢO LÂM”, T xé bao thư thì thấy bên trong có số tiền 18.500.000 đồng, loại mệnh giá 500.000 đồng nên dùng tay rút ra và bỏ vào túi quần jean bên trái rồi đi ra khỏi phòng.

Sau khi lấy trộm tiền của chị M, T điều khiển xe ô tô đi hướng lên thành phố Cà Mau, khi đến trước siêu thị điện máy Nguyễn Kim thuộc phường 7, thành phố Cà Mau thì T gặp và đưa cho người tên Q số tiền 18.000.000 đồng mà T thiếu nợ tiền cá độ bóng đá trước đó, còn lại 500.000 đồng T bỏ vào túi quần.

Vật chứng thu giữ: 01 USB và 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, hiện đã được nhập kho theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: *Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc T mức án tù từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Giao bị cáo Trần Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Cà Mau để giám sát giáo dục bị cáo trong suốt quá trình bị cáo chấp hành án.*

- Về trách nhiệm dân sự: Không

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng. Đối với 01 USB là nguồn chứng cứ nên yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi chuyển cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để về nuôi cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đàm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc T thừa nhận hành vi: Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 22.12.2021 bị cáo vào phòng làm việc của chị Tô Thị Diễm M có hành vi lén lút lấy số tiền 18.500.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có tại hồ sơ. Do đó, hành vi lấy số tiền 18.500.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: “*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”

Từ đó, Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, là vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, khi phạm tội bị cáo có đủ năng lực hành vi và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Nguyên nhân phạm tội của bị cáo là không muốn lao động mà vẫn muốn được hưởng thụ thành quả lao động của người khác; động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo là để có tiền trả nợ. Hành vi vi phạm của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng cho bị cáo như: Bị cáo có nhân tố thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với tính chất và mức độ cũng như nguyên nhân

và điều kiện phạm tội cùng với những tình tiết giảm nhẹ được áp dụng cho bị cáo, xét thấy chỉ cần xử phạt cải tạo bị cáo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng thể hiện được sự nhận đạo của pháp luật Việt Nam được áp dụng đối với những người vi phạm biết ăn năn hối cải.

[5] Đối với đối tượng tên Q, hiện chưa xác định được lai lịch, nhân thân của người này, nên yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ xem xét xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Phan H là người thuê bị cáo chạy xe đã nhận tiền của bị cáo 13.773.000 đồng và đưa thêm tiền lương chạy xe của bị cáo số tiền 4.727.000 đồng trả lại cho chị M và chị M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền ông H trả cho bị hại, ông H không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Tại phiên Toà bị cáo không nhận lại 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với 01 USB có ghi lại hình ảnh bị cáo lấy tài sản là nguồn chứng cứ. Đó đó, yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi chuyển cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ Luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 09 (chín) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; thời gian thử thách kể từ ngày 29/3/2022.

Giao bị cáo Trần Ngọc T về cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp bị cáo Trần Ngọc T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách. “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi chuyển cho Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi 01 USB để đưa vào hồ sơ vụ án. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2022 giữa Cơ quan điều tra với Chi cục thi hành án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng)

Về quyền kháng cáo: Bị cáo T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại M và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Thành;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã Ký)

Ngô Giang Nam